

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09/4/2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thị Minh Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Minh

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Sương - Thư ký Toà án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 490/2023/TLST-HN ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST -HNGĐ ngày 27/3/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Quang H, sinh năm 1979

Địa chỉ: 34 Mạc Cửu, Phường 13, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1979

Địa chỉ: 9 T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn -ông Lê Quang H trình bày: Tôi và bà N tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2018 do UBND phường A, Quận E, Tp . cấp ngày 03 /5/2018.

Sau khi kết hôn về chung sống 1 thời gian ngắn, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không giải quyết được, chúng tôi không còn tình cảm, không còn chăm sóc nhau nữa. Từ tháng 04/2023 tôi dọn đồ về ở nhà của cha mẹ để ở đường C sinh sống, không sống chung với vợ tôi nữa, vợ chồng tôi đã ly thân không còn chung sống với nhau từ tháng 4/2023 đến nay. Nay tôi yêu cầu ly hôn với bà N.

Về con chung: Chúng tôi không có con chung.

Về tài sản chung: Chúng tôi không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết .

Về nợ chung: chúng tôi không có nợ chung.

Ông Lê Quang H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2/Bị đơn- bà Nguyễn Thị N tại bản tự khai trình bày: Tôi và ông Lê Quang H tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2018 do UBND phường A,

Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 /5/2018.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Từ tháng 04/2023 ông H dọn đồ về ở nhà của cha mẹ ông H ở đường C, vợ chồng tôi đã ly thân không còn chung sống với nhau từ tháng 7/2023 đến nay.

Nay ông H yêu cầu xin ly hôn, tôi không đồng ý ly hôn, tôi vẫn mong muốn hàn gắn giải quyết mâu thuẫn với chồng để giữ cuộc hôn nhân này nên tôi không ký đơn ly hôn, nếu ông H kiên quyết ly hôn thì Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Về con chung: Chúng tôi không có con chung.

Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chúng tôi không có nợ chung.

Bà Nguyễn Thị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 25 do Ủy ban nhân dân phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/5/2018 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà N là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, nay ông H yêu cầu ly hôn là tranh chấp “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn – bà N hiện đang cư trú tại Quận A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của ông H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải ông H xác định : Sau khi kết hôn về chung sống 1 thời gian ngắn, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không giải quyết được, vợ chồng không còn tình cảm, không còn chăm sóc nhau nữa. Từ tháng 04/2023 ông dọn đồ về ở nhà của cha mẹ để ở đường C sinh sống, vợ chồng ông đã ly thân không còn chung sống với nhau từ tháng 4/2023 đến nay.

Bà N1 cũng xác định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Từ tháng 04/2023 ông H dọn đồ về ở nhà của cha mẹ ông H ở đường C, vợ chồng bà đã ly thân không còn chung sống với nhau từ tháng 7/2023 đến nay.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông H và bà N1 trầm trọng, vợ chồng không còn chung sống, ly thân đã lâu, hai bên không thể hàn gắn giải quyết được mâu thuẫn làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu ly

hôn của ông H đã thỏa mãn các quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu ly hôn của ông H, cho ông H được ly hôn với bà N1.

[2.2] Về con chung: Ông H và bà N1 khai không có con chung, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét về con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Ông H và bà N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Ông H và bà N1 khai không có, không xem xét.

[3] Về án phí: Ông H phải chịu án phí ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, khoản 1 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Quang H.

Về quan hệ vợ chồng: Ông Lê Quang H được ly hôn bà Nguyễn Thị N.

Về con chung: Ông H và bà N khai không có con chung, không xem xét.

Về tài sản chung: Ông H và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không xem xét.

Về nợ chung: Ông H và bà N khai không có, không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình:

Ông Lê Quang H chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông H đã nộp theo biên lai số AA/2023/0035370 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về thời hạn kháng cáo : Ông Lê Quang H và bà Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 10;
- Chi cục THADS Quận 10;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Từ Thị Minh Tú